

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **53/2022/HNGĐ-ST**

Ngày: 18-4-2022

“V/v Ly hôn, nuôi con chung”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Mai Hoa.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Công Định.

Ông Nguyễn Đức Hạnh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Ngọc Anh - Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương: Bà Phạm Thị Quyên - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 282/2021/TLST-HNGĐ ngày 20/12/2021, về việc *“Ly hôn, nuôi con chung”* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 47/2022/QĐXX-HNGĐ ngày 16 tháng 3 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 40/2022/QĐ-ST ngày 31 tháng 3 năm 2022, giữa:

- Nguyên đơn: Anh **Nhữ Văn Kh**, sinh năm 1988

Địa chỉ: Thôn NhTh, xã ThH, huyện BGi, tỉnh Hải Dương (có đơn xin xét xử vắng mặt).

- Bị đơn: Chị **Vũ Thị H**, sinh năm 1992

Địa chỉ trước khi xuất cảnh: Thôn NhTh, xã ThH, huyện BGi, tỉnh Hải Dương.

Địa chỉ hiện nay: Đài Loan (vắng mặt tại phiên tòa).

- Người làm chứng: Ông Vũ Văn K và bà Chu Thị M,

Địa chỉ: thôn Cao Xá, xã ThH, huyện BGi, tỉnh Hải Dương (**đề nghị xét xử vắng mặt**).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai và biên bản lấy lời khai, nguyên đơn anh Nhữ Văn Kh trình bày:

- *Về quan hệ vợ chồng:* Anh và chị Vũ Thị H được tự do tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã ThH, huyện BGi, tỉnh Hải Dương vào ngày 18/3/2011. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống cùng bố mẹ anh. Đến năm 2014 do cuộc sống khó khăn nên anh đã đi xuất khẩu lao động ở Đài Loan. Năm 2015, chị H cũng sang Đài Loan làm nhưng không làm cùng công ty với anh nên mỗi người ở một nơi, thỉnh thoảng cuối tuần anh mới sang thăm chị H. Đến năm 2016 do chị H muốn **tiếp tục** ở lại Đài **Loan**, không có ý định trở về Việt Nam nên vợ chồng thường xảy ra mâu **thuẫn**, cãi nhau, vợ chồng sống ly thân kể từ đó đến nay, không còn quan tâm hay liên lạc gì với nhau. Gia đình hai bên có biết về mâu thuẫn của vợ chồng anh chị, có can thiệp hòa giải nhưng không có kết quả. Năm 2020, anh về nước, còn chị H vẫn ở lại Đài Loan làm. Nhận thấy vợ chồng xa cách nhau đã lâu, nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị H.

- *Về con chung:* Anh và chị H có một con chung là Nhữ Phúc H, sinh ngày 14/11/2011, hiện nay cháu đang ở cùng anh và ông bà nội. Cháu H có nguyện vọng muốn được tiếp tục ở cùng anh. Anh hiện có một xưởng cơ khí tại nhà, thu nhập trung bình khoảng hơn 8 triệu đồng/tháng. Bố mẹ anh đều ở nhà, hàng ngày hỗ trợ anh trong việc chăm sóc cháu H. Do đó, để ổn định cuộc sống cũng như học tập cháu H, anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được tiếp tục nuôi con chung và tự nguyện không yêu cầu chị Vũ Thị H phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cùng anh.

- *Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp với gia đình hai bên:* Năm 2014 anh **sang** Đài Loan, năm 2015 chị H cũng sang Đài Loan **làm**. Do điều kiện kinh tế gia đình không có, hai vợ chồng đều phải vay tiền để đi. Quá trình làm việc ở Đài Loan, 2 năm đầu lương hai vợ chồng chỉ đủ tiền để trả nợ. Từ năm 2016 trở đi thì làm được bao nhiêu, lương của ai người ấy giữ. Trước khi kết hôn, anh được bố mẹ cho một miếng đất. Năm 2017, anh gửi tiền về cho bố mẹ anh xây một căn nhà bằng tiền của anh. Năm 2020 anh về nước, chị H vẫn ở lại. Anh xác định nhà là nguồn tiền do anh gửi về xây, còn đất là của bố mẹ anh. Chị H chỉ được bố mẹ để cho 04 chỉ vàng và tiền mừng khi vợ chồng kết hôn (khoảng 5 triệu). Anh đã thỏa thuận với chị H về phần tài sản, do đó anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Bị đơn: Trong quá trình giải quyết vụ án do anh Kh không cung cấp được địa chỉ của chị H tại Đài Loan nên Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương đã xác minh qua gia đình chị H, đồng thời yêu cầu gia đình cung cấp địa chỉ của chị H.

Ông Vũ Văn K và bà Chu Thị M là bố mẹ chị H xác định: Chị H hiện làm ăn, sinh sống tại Đài Loan nhưng ông bà không biết địa chỉ cụ thể của chị H nên không cung cấp được cho Tòa án. Tuy nhiên, chị H thường xuyên liên lạc về gia đình. Ông bà đồng ý nhận các văn bản tố tụng của Tòa án và có trách nhiệm thông báo cho chị H biết. Tại buổi làm việc ngày 19/01/2022, ông K, bà M đã gọi điện cho chị H. Chị H có quan điểm về thời điểm kết hôn và mâu thuẫn vợ chồng như anh Kh. Nay anh Kh có đơn xin ly hôn, quan điểm của chị cũng nhất trí; Về con chung: Vợ chồng chị có một con chung là Nhữ Phúc H, sinh ngày 14/11/2011 như anh Kh trình bày là đúng. Cháu H cũng có nguyện vọng được ở cùng bố. Do đó, chị nhất trí để anh Kh tiếp tục nuôi con và chị không phải cấp dưỡng; Về tài sản chung: Chị xác định có tài sản chung là 01 căn nhà, bố mẹ của chị cho chị 04 chỉ vàng và tiền mừng khi kết hôn, tiền chị đi làm ở nước ngoài gửi về cho anh Kh xây nhà. Chị đề nghị Tòa án giải quyết cả phần tài sản chung trong cùng vụ án.

Tòa án đã giải thích cho ông K, bà M và chị H nếu có yêu cầu giải quyết về tài sản chung thì chị H phải có đơn và cung cấp tài liệu liên quan đến tài sản và nộp cho Tòa án trước ngày 20/02/2022 để được xem xét, giải quyết. Hết thời gian trên, chị H không có đơn và tài liệu gửi Tòa án thì Tòa án chỉ giải quyết về quan hệ vợ chồng, con chung theo yêu cầu khởi kiện của anh Kh. Ông K, bà M và chị H nhất trí với giải thích của Tòa án và có ý kiến sẽ xem xét và làm đơn gửi Tòa án sau.

Tại buổi làm việc ngày 16/3/2022, bà M trình bày: Các văn bản, tài liệu Tòa án gửi cho chị H, bà đã nhận và đều thông báo cho chị H. Đến nay, chị H và bà đều không cung cấp được địa chỉ của chị H tại Đài Loan. Đề nghị Tòa án tiếp tục gửi các tài liệu, văn bản cho chị H cho bà để bà thông báo cho chị H. Tại buổi làm việc trước chị H có đề nghị chia tài sản. Tuy nhiên, tại buổi làm việc hôm nay chị H có trao đổi lại với bà là do hiện nay tình hình dịch bệnh và xin xác nhận bên Đài Loan khó khăn nên chị chưa đề nghị về phần tài sản, sau này về nước, chị và anh Kh sẽ trao đổi và thỏa thuận với nhau sau. Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản trong vụ án này. Về quan hệ vợ chồng và con chung chị giữ nguyên quan điểm như buổi làm việc trước đã trình bày. Hiện nay, do tình hình dịch bệnh diễn biến phức tạp, chị H không thể về nước để tham gia giải quyết vụ án được, chị đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt chị. Những tài liệu Tòa án gửi cho chị H, đề nghị Tòa án **tiếp tục** gửi cho **bà M, bà sẽ có trách nhiệm nhận thay chị H và thông báo lại cho chị H**. Vì điều kiện đường

xá xa xôi, bà đề nghị được vắng mặt trong các buổi làm việc và các phiên xét xử tại Tòa án.

Tại phiên tòa, anh Kh có đơn xin xét xử vắng mặt và có quan điểm giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Bị đơn chị H có quan điểm xin xét xử vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn không chấp hành đúng quy định Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Xử cho anh Nhữ Văn Kh được ly hôn chị Vũ Thị H; Về con chung: Giao con chung là cháu Nhữ Phúc H, sinh ngày 14/11/2011 cho anh Kh tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng. Chấp nhận sự tự nguyện của anh Kh không yêu cầu chị H phải cấp dưỡng cho con; Anh Kh phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

Anh Nhữ Văn Kh có đơn khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương giải quyết việc ly hôn giữa anh với chị Vũ Thị H. Chị H hiện đang sinh sống và lao động tại Đài Loan. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 37 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

Trong quá trình giải quyết vụ án, anh Kh không cung cấp được địa chỉ của chị H tại Đài Loan. Theo hướng dẫn tại Công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân Tối cao, Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương đã hai lần yêu cầu anh Kh và gia đình chị H cung cấp địa chỉ, nhưng anh Kh và gia đình chị H không cung cấp được. Do vậy, áp dụng Công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân Tối cao, Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương tiến hành giải quyết vụ án theo thủ tục cố tình giấu địa chỉ.

Tại phiên tòa anh Kh có đơn xin xét xử vắng mặt, chị H, ông K, bà M đều có quan điểm xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 và

khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh Kh, chị H, ông K, bà M.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Anh Nhữ Văn Kh và chị Vũ Thị H được tự do tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã ThH, huyện BGi, tỉnh Hải Dương vào ngày 18/3/2011 là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, hai bên không quan tâm đến nhau. Nay anh Kh xác định tình cảm vợ chồng không còn và đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị H. Thông qua gia đình, chị H có quan điểm nhất trí ly hôn theo yêu cầu của anh Kh. Xét thấy thực tế anh chị không chung sống cùng nhau từ nhiều năm và không còn quan tâm đến nhau, mâu thuẫn của anh Kh và chị H đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, việc anh Kh xin ly hôn chị H là phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình nên được chấp nhận.

[2.2]. Về quan hệ con chung: Anh Kh và chị H có một con chung là Nhữ Phúc H, sinh ngày 14/11/2011. Hiện nay cháu đang cùng anh Kh và ông bà nội. Xét thực tế, chị H đang ở nước ngoài, không có mặt tại Việt Nam nên việc giao con cho anh Kh nuôi dưỡng là phù hợp. Chấp nhận sự tự nguyện của anh Kh không yêu cầu chị H phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Chị H được quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở là phù hợp với quy định tại Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.3]. Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3]. Về án phí: Anh Kh phải chịu toàn bộ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định.

[4]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì những lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 37, khoản 4 Điều 147, khoản 1 và khoản 3 Điều 228, Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH 13 ngày 25/11/2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày

30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1]. Về quan hệ vợ chồng: Xử cho anh Nhữ Văn Kh được ly hôn chị Vũ Thị H.

[2]. Về con chung: Giao cho anh Nhữ Văn Kh tiếp tục nuôi dưỡng con chung là Nhữ Phúc H, sinh ngày 14/11/2011, thời gian từ tháng 4/2022 đến khi con chung thành niên. Chấp nhận sự tự nguyện của anh Nhữ Văn Kh không yêu cầu chị Vũ Thị H phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh.

Chị Vũ Thị H được quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

[3]. Về án phí: Anh Nhữ Văn Kh phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm hôn nhân và gia đình được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí anh Kh đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2020/0004631 ngày 17/12/2021 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương (Anh Kh đã thực hiện xong nghĩa vụ án phí).

[4]. Về quyền kháng cáo: Anh Nhữ Văn Kh vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật; Chị Vũ Thị H vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Các đương sự;
- Cục THADS tỉnh Hải Dương;
- UBND xã ThH, huyện BGi, tỉnh Hải Dương;
- Lưu hồ sơ.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Mai Hoa